**NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN 18 CỦA BỘ QCATHK**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều khoản** | **Nội dung Bộ QCATHK (TT01 và 03)** | **Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung** | **Lý do sửa đổi** |
| 18.003 a (1) | Bảng kiểm tra chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm: là tài liệu sử dụng để trợ giúp việc thực hiện kiểm tra bên ngoài kiện hàng nguy hiểm và các tài liệu liên quan của nó nhằm xác định các yêu cầu phù hợp đã được đáp ứng. | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (71)* |  |
| 18.003 a (2) | Bao bì: là bộ phận hoặc vật liệu cần thiết để thực hiện chức năng đựng hàng và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về đóng gói; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (3) | Chứng từ vận chuyển hàng nguy hiểm: là các loại giấy tờ được quy định tronghướng dẫn kỹ thuật về việc chuyên chở an toàn hàng nguy hiểm bằng đường hàng không của ICAO. Tài liệu này được thực hiện bởi người gửi hàng nguy hiểm và chứa đựng các thông tin về hàng nguy hiểm đó; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (4) | Công-ten-nơ vận chuyển: là thiết bị chuyên dụng để vận chuyển chất phóng xạ được thiết kế phù hợp cho một hay nhiều loại phương tiện vận tải; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (5) | Đại lý phục vụ: là đại lý thay mặt Người khai thác thực hiện một hoặc toàn bộchức năng của Người khai thác bao gồm tiếp nhận, xếp, dỡ, chuyên chở hoặc giải quyết các vấn đề xảy ra với hành khách hoặc hàng hoá; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (6) | Hàng nguy hiểm: là vật phẩm hoặc vật chất có thể gây rủi ro đối với sức khỏe, an toàn, tài sản của con người hoặc môi trường nêu tại danh mục hàng nguy hiểm trong tài liệu hướng dẫn kỹ thuật hoặc được phân loại theo các hướng dẫn này; | *Bãi bỏ, chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007, thay thế định nghĩa cũ (169)**Sửa risk thành hazard* | Theo ICAO |
| 18.003 a (7) | Không tương hợp: là tình trạng hàng nguy hiểm nếu trộn lẫn với nhau hoặc để cạnh nhau có thể gây nguy hiểm hoặc sinh nhiệt hoặc sinh ra khí ga hoặc sinh ra chất ănmòn; | *Bãi bỏ, chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007 thay thế cho (299)* |  |
| 18.003 a (8) | Kiện hàng đóng chung: là bao hàng do một người gửi hàng dùng để chứa mộthay nhiều kiện hàng và để tạo ra một đơn vị hàng gửi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở và lưu kho (dụng cụ chở hàng không thuộc định nghĩa này); | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (9) | Kiện hàng: là sản phẩm hoàn thiện của quá trình đóng gói bao gồm bao bì vàhàng hoá chuẩn bị cho việc vận chuyển; | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (160)* |  |
| 18.003 a (10) | Lô hàng: là một kiện hàng nguy hiểm hoặc nhiều hơn một kiện hàng nguy hiểm của người gửi được Người khai thác chấp nhận chuyên chở một lần tại một địa chỉ, đượcnhận thành một lô và chuyển đến cho một người nhận tại một địa chỉ đến; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (11) | Mã số UN: là một số gồm 04 chữ số do Hội đồng chuyên gia về vận chuyểnhàng nguy hiểm của Liên hiệp quốc quy định để nhận biết một chất hoặc một nhóm chất cụ thể nào đó; | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007, cần thống nhất với (346)* |  |
| 18.003 a (12) | Người khai thác bưu điện được chỉ định: là cơ quan chính phủ hoặc phi chính phủ được chỉ định chính thức bởi quốc gia thành viên của Liên minh Bưu chính (UPU) để hoạt động dịch vụ bưu chính và thực hiện các nghĩa vụ liên quan của Công ước UPU trên lãnh thổ của mình. | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (13) | quốc gia xuất phát: là quốc gia mà tại lãnh thổ nước đó hàng nguy hiểm đượcxếp lên tàu bay đầu tiên; | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007, cần thống nhất với (331)* |  |
| 18.003 a (14) | Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của IATA: là Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm xuất bản có hiệu lực mới nhất của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) dựa trên các yêu cầu và quy định của Phụ ước 18 Công ước Chi-ca-gô và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. Phụ ước 18 Công ước Chi-ca-gô và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật được công nhận là cơ sở pháp lý xác thực duy nhất trong vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không, do đó, bất kỳ giải thích hoặc bổ sung bởi IATA khác với tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sẽ không có hiệu lực pháp lý tương đương; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (15) | Sự cố do hàng nguy hiểm gây ra: là vụ việc khác với tai nạn do hàng nguy hiểmgây ra do hoặc liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm không nhất thiết xảy ra trên tàu bay. Sự cố này làm cho người bị thương, tài sản bị hư hỏng, bị cháy, vỡ, tràn hoặc rò rỉ chất lỏng, chất phóng xạ hoặc có các bằng chứng khác cho thấy tình trạng nguyên vẹn của kiện hàng không được duy trì. Mọi sự cố liên quan đến vận chuyển hàng nguy hiểm đe dọa nghiêm trọng đến tàu bay và người trên tàu bay được coi là sự cố do hàng nguy hiểm gây ra;  | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (351)* |  |
| 18.003 a (16) | tài liệu hướng dẫn kỹ thuật: là tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về vận chuyển hàngnguy hiểm bằng đường không (Tài liệu ICAO 9284-AN/905) có hiệu lực mới nhất bao gồm các văn bản bổ sung và các phụ lục kèm theo đã được phê chuẩn, ban hành theo quyết định của Hội đồng ICAO. Trong Phần này sử dụng cụm từ “tài liệu hướng dẫn kỹ thuật” | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (17) | Tai nạn do hàng nguy hiểm gây ra: là một vụ việc xảy ra do hoặc liên quan đếnvận chuyển hàng nguy hiểm dẫn đến chết người, bị thương nặng hoặc bị tổn thất lớn về tài sản;  | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (380)* |  |
| 18.003 a (18) | Tàu bay chở hàng: là bất kỳ tàu bay nào dùng để chuyên chở hàng hóa hoặc tàisản mà không chở hành khách; | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (363)* |  |
| 18.003 a (19) | Tên hàng gửi: là tên được dùng để mô tả một vật hoặc chất cụ thể trong tất cảcác chứng từ gửi hàng và các thông báo. Tên hàng có thể được ghi trên bao bì nếu phù hợp; | *Chuyển sang Phụ lục 1 điều 1.007* |  |
| 18.003 a (20) | Thiết bị chất xếp: là các loại công-ten-nơ, giá nâng hàng có lưới của tàu bay (lôhàng không thuộc định nghĩa này). | *Bãi bỏ. Sử dụng định nghĩa đã có**trong Phụ lục 1 điều 1.007 (409)* |  |
| 18.123 | XẾP CHẤT ĐỘC VÀ CHẤT LÂY NHIỄM Các kiện hàng chứa chất độc và chất lây nhiễm được xếp lên tàu bay phải tuân thủcác quy định của tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. | *Bãi bỏ* | Phù hợp với Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật của ICAO (đã bãi bỏ từ năm 2016) |